

Bản án số: 169/2023/HS-ST
Ngày: 11-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Quốc Hưng

Ông Phạm Văn Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa:
Ông Lê Việt Tiên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 4 và 11 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 369/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2023/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 3 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Thúy A; Sinh ngày 30 tháng 12 năm 1990 tại tỉnh G; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố E; Nơi cư trú: Số A đường B, Khu dân cư C, xã D, huyện E, Thành phố F; Nghề nghiệp: Giám đốc; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Hoàng Nh, sinh năm 1965 và bà Lê Mỹ Tr, sinh năm 1967; Có chồng và 01 con, sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam từ ngày 20/4/2022 đến ngày 26/8/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt)

- Nguyên đơn dân sự: Chi cục thuế thành phố X; Địa chỉ trụ sở: A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố E.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: Ông Trần Khải Th, sinh năm 1974; Chức vụ: Trưởng phòng Kế khai - Kế toán thuế - Tin học, Chi cục thuế thành phố X. (Có mặt)

- Bị đơn dân sự: Công ty TNHH Y HCM; Địa chỉ trụ sở: Số A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố E. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

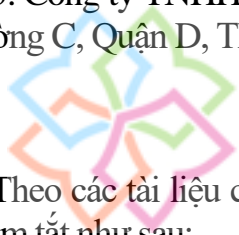
1. Ông Lê Hữu Tr, sinh năm 1986; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số A đường B, phường C, thành phố D, Thành phố E; Nơi cư trú: Số A đường B, Khu dân cư C, xã D, huyện E, Thành phố F. (Có mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Hoa Ph, sinh năm 1984; Địa chỉ đăng ký thường trú: Số A đường B, phường C, thành phố D, tỉnh E; Nơi cư trú: Số A đường B, KP C, phường D, Quận E, Thành phố F. (Vắng mặt)

3. Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Z; Địa chỉ trụ sở: Số A Ấp B thị trấn C, huyện D, tỉnh E. (Vắng mặt)

4. Công ty TNHH MTV Thương mại Vận tải Xây dựng O; Địa chỉ trụ sở: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố E. (Vắng mặt)

5. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ xây dựng H; Địa chỉ trụ sở: Số A đường B, Phường C, Quận D, Thành phố E. (Vắng mặt)



NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Y HCM (gọi tắt là Công ty Y) hoạt động kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0314545075 do Sở Kế hoạch đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 31/7/2017, do Võ Hồng S làm Giám đốc, thành viên góp vốn: Lê Hữu Tr, đăng ký thay đổi lần 2 vào ngày 20/12/2017 do Võ Thúy A làm Giám đốc, đại diện theo pháp luật; Đăng ký thay đổi lần 3 vào ngày 01/3/2019 do Giảng Thanh L làm đại diện theo pháp luật. Vốn điều lệ đăng ký 10.000.000.000 đồng; ngành nghề kinh doanh là san lấp mặt bằng, vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, xây dựng. Từ năm 2018 đến năm 2019 để thực hiện hợp đồng với Công ty TNHH Thương mại và xây dựng Z (gọi tắt là Công ty Z) về việc san lấp mặt bằng tại dự án Vincy, Quận 9 (Nay là thành phố Thủ Đức) Công ty Y do Võ Thúy A làm giám đốc phát sinh chi phí dịch vụ bơm cát gia công, vận chuyển cát nhưng không có hóa đơn chứng từ của hàng hóa dịch vụ mua vào để hạch toán chi phí và khấu trừ thuế giá trị gia tăng (VAT). Công ty Y đã ký hợp đồng khống với Công ty O, Công ty H để thực hiện hợp thức thanh toán chuyên khoản qua ngân hàng và sử dụng hóa đơn, chứng từ không hợp pháp để hạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế phải nộp làm tăng số tiền thuế được miễn, số tiền thuế được giảm hoặc tăng số tiền thuế được khấu trừ, số tiền thuế được hoàn. Cụ thể như sau:

Từ ngày 14/9/2018 đến ngày 20/9/2018, Công ty H xuất cho Công ty Y thể hiện giao dịch hàng hóa là dịch vụ vận chuyển cát từ mỏ về dự án Vincy, Quận 9 với tổng số tiền 8.712.344.621 đồng (bao gồm VAT) gồm 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu HQ/17P số 0000060 ngày 14/9/2018; số 0000061 ngày 15/9/2018; số 0000063 ngày 20/9/2018. Từ ngày 06/11/2018 đến 17/11/2018, Công ty Y đã 05 lần thanh toán tổng số tiền 11.915.000.000 đồng cho Công ty H bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản xxxxxxxx002 – Ngân hàng S của Công ty Y đến tài khoản của Công ty H, cụ thể: lần 1 chuyển 2.385.000.000 đồng; lần 2 chuyển 2.600.000.000 đồng; lần 3 chuyển

2.300.000.000 đồng; lần 4 chuyển 2.300.000.000 đồng; lần 5 chuyển 2.330.000.000 đồng.

Từ ngày 21/5/2018 đến ngày 01/9/2018 Công ty O xuất cho Công ty Y thể hiện giao dịch là dịch vụ thi công bơm cát lên mặt bằng (tờ hóa đơn số 66 ngày 21/5/2018), dịch vụ vận chuyển cát từ mỏ về dự án Vincity, Quận 9 với tổng số tiền 6.602.737.284 đồng (bao gồm VAT) gồm 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu MN/17P số: 66 ngày 21/5/2018; số 68 ngày 24/7/2018; số 74 ngày 25/8/2018; số 78 ngày 01/9/2018. Từ ngày 09/11/2018 đến 16/11/2018, Công ty Y đã 03 lần thanh toán tổng số tiền 6.450.412.500 đồng cho Công ty O bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản xxxxxxxx1531 – Ngân hàng V của Công ty Y đến tài khoản của Công ty O, cụ thể: lần 1 chuyển 2.700.000.000 đồng; lần 2 chuyển 3.750.000.000 đồng; lần 3 chuyển 412.500 đồng.

Đối với 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào ở trên mà Công ty H, Công ty O xuất cho Công ty Y thì tương ứng với 06 (sáu) tờ hóa đơn đầu ra của Công ty Y xuất cho Công ty TNHH Z, Trong quý 2 và quý 3 năm 2018, Công ty Y thực hiện hợp đồng có nội dung là vận chuyển cát, bơm cát, mua bán cát cho Công ty Z để thực hiện dự án Vincity Quận 9. Trong thời gian này, Công ty Y đã xuất cho Công ty Z tổng cộng 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng, tổng giá trị tiền hàng là 20.250.098.348 đồng, tiền thuế GTGT: 2.025.009.835 đồng. 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào của Công ty Y tương ứng với 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu ra của công ty này thì số tiền giao dịch đầu vào, đầu ra thể hiện trên các tờ hóa đơn bằng nhau, không chênh lệch, không phát sinh chi phí kinh doanh lời hoặc thua lỗ, cụ thể:

Hai tờ hóa đơn đầu vào số 60 ngày 14/9/2018 và số 61 ngày 15/9/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 74 ngày 16/9/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Tờ hóa đơn đầu vào số 63 ngày 20/9/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 75 ngày 20/9/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Tờ hóa đơn đầu vào số 66 ngày 21/7/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 62 ngày 24/7/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Tờ hóa đơn đầu vào số 68 ngày 24/7/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 63 ngày 24/7/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Tờ hóa đơn đầu vào số 74 ngày 25/8/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 67 ngày 27/8/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Tờ hóa đơn đầu vào số 78 ngày 01/9/2018 tương ứng với hóa đơn đầu ra số 69 ngày 02/9/2018 của Công ty Y xuất cho Công ty Z.

Kết luận giám định tư pháp về việc giám định tư pháp trong lĩnh vực thuế ngày 24/8/2020 của Chi cục thuế Quận X (Nay là Chi cục thuế thành phố X) do giám định viên Quách Thị Thùy D và giám định viên Mai Như Ph giám định đã kết luận: Hành vi sử dụng 07 số hóa đơn của Võ Thúy A nhằm mục đích trốn thuế, để kê khai GTGT đầu vào được khấu trừ, kê khai chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN năm 2018 của Công ty TNHH Y HCM theo kết quả điều tra của Cơ quan trung cầu giám định là hành vi trốn thuế với tổng số tiền trốn thuế là 4.176.840.519 đồng trong đó số

tiền trốn thuế giá trị gia tăng là 1.392.280.173 đồng và số tiền trốn thuế thu nhập doanh nghiệp là 2.784.560.346 đồng.

Võ Thúy A làm giám đốc Công ty Y HCM từ ngày 20/12/2017 đến ngày 01/3/2019, sau đó chuyển quyền sở hữu cho Giảng Thanh L làm giám đốc. Trong thời gian làm giám đốc công ty, ông Võ Hồng S đưa A ký nhiều giấy tờ liên quan đến công ty Y và cũng trong thời gian này. A đã sử dụng 02 loại chữ ký để ký giấy tờ, cụ thể:

Loại chữ ký thứ 1, A đã ký gồm: Quyết định bổ nhiệm kế toán trưởng Nguyễn Thị Hoa Ph, Hợp đồng dịch vụ với Phương; Các biên bản làm việc với cán bộ Chi cục thuế Quận 9 năm 2018, các hợp đồng của công ty Y với các nhân viên, các bảng kê tiền lương với các nhân viên; Sổ chi tiết kế toán; Nhật ký thi công xây dựng với Công ty Z; Các hóa đơn đầu vào do Công ty O và Công ty H xuất cho Công ty Y, các Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty Y và O, Công ty H, các bản giá trị nghiệm thu liên quan đến Công ty O, Công ty Y, Công ty H và Công ty Z, các hóa đơn Công ty Y xuất cho Z, các bản giá trị nghiệm thu giữa Y và Z

Loại chữ ký thứ 2, Võ Thúy A ký gồm các giấy tờ sau: Các giấy tờ tài liệu liên quan đến chuyển quyền sở hữu Công ty Y HCM từ Võ Hồng S sang Võ Thúy A (liên quan đến pháp lý công ty). Giấy ủy quyền ngày 14/12/2017 do Võ Hồng S ký ủy quyền cho Võ Thúy A đứng tên tài khoản V chi nhánh Phú Mỹ Hưng và các giấy tờ đứng tên tài khoản trên và ký 15 uỷ nhiệm chi của tài khoản này. Ký hồ sơ đứng tên tài khoản xxxxxxxx002 ngân hàng S chi nhánh Quận 7 ngày 02/11/2017. A khai nhận A không trực tiếp điều hành hoạt động của công ty Y, tuy nhiên A là người ký tất cả các thủ tục liên quan đến pháp lý công ty và mọi hoạt động, giao dịch liên quan đến công ty. Còn việc điều hành công ty do Võ Hồng S điều hành, A được S cho tiền tiêu và đóng tiền học cho con.

Tiến hành giám định các chữ ký của Võ Thúy A: Đối với mẫu chữ ký liên quan đến các giấy tờ, Hợp đồng, hóa đơn đầu vào, đầu ra và các chứng từ tài liệu, liên quan đến quyết toán thuế của Công ty Y năm 2018; Gồm 38 mẫu cần giám định:

Kết luận giám định số 148/KLGD-TT của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh ngày 30/12/2021, giám định chữ ký của Võ Thúy A:

Chữ ký đứng tên “Võ Thúy A” trên 35 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A2 đến A4, A6 đến A37 so với chữ ký Võ Thúy A trên 05 tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M5 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận giám định chữ ký đứng tên “Võ Thúy A” trên 03 tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A5, A38 so với chữ ký của Võ Thúy A trên 05 tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M5 có phải do cùng một người ký ra (do chữ ký cần giám định có một số đặt điểm giống và khác so với chữ ký mẫu so sánh không giải thích được).

Đối với mẫu chữ ký liên quan đến pháp lý của công ty Y do Võ Thúy A làm chủ ký và chữ ký của Võ Thúy A đăng ký các tài khoản số xxxxxxxxx1531- Ngân hàng V; Đăng ký tài khoản số xxxxxxxxx002 thuộc Ngân hàng S của Công ty Y. Đây là các tài khoản ngân hàng do Võ Thúy A đứng tên và thực hiện việc giao dịch nhận, chuyển tiền liên quan đến hoạt động của công ty Y; Gồm 15 mẫu cần giám định.

Theo kết luận giám định số 433 /KLGD-TT ngày 10/01/2022, kết quả: Chữ ký đúng tên “Võ Thúy A” trên 15 tài liệu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A15 so với chữ ký Võ Thúy A trên 04 tài liệu mẫu so sánh từ M1 đến M4 do cùng một người ký ra.

Xác minh nhân thân, lai lịch Võ Hồng S: Sinh năm 1969; Địa chỉ đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D, được biết: Võ Hồng S bị tai nạn giao thông chết ngày 23/11/2018 tại Đồng Tháp.

Vật chứng thu giữ:

07 tờ hóa đơn GTGT gồm 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu HQ/17P số 0000060 ngày 14/9/2018; số 0000061 ngày 15/9/2018; số 0000063 ngày 20/9/2018 và 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng ký hiệu MN/17P số: 66 ngày 21/5/2018; số 68 ngày 24/7/2018; số 74 ngày 25/8/2018; số 78 ngày 01/9/2018 của Công ty Y;

06 tờ hóa đơn GTGT (số 74 ngày 16/9/2018; số 75 ngày 20/9/2018; số 62 ngày 24/7/2018; số 63 ngày 24/7/2018; số 67 ngày 27/8/2018; số 69 ngày 02/9/2018) của Công ty Z.

Bản cáo trạng số 350/CT-VKSTPTĐ ngày 06/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức truy tố Võ Thúy A về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Võ Thúy A về tội “Trốn thuế” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 200, các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt Võ Thúy A mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Buộc bị cáo nộp số tiền trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp là 4.176.840.519 đồng; Về xử lý vật chứng tiếp tục lưu hồ sơ theo quy định của pháp luật đối với 07 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Y và 06 tờ hóa đơn của Công ty Z.

Đại diện Chi cục Thuế Quận 9 (nay là Chi cục Thuế thành phố X) yêu cầu Võ Thúy A là đại diện Công ty TNHH Y HCM phải nộp lại số tiền trốn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp là 4.176.840.519 đồng vào ngân sách nhà nước.

Lê Hữu Tr là chồng của Võ Thúy A và là thành viên góp vốn Công ty Y từ ngày 31/7/2017 đến ngày 11/12/2017, sau khi Công ty Y chuyển chủ sở hữu sang tên cho Võ Thúy A thì Tr không còn làm thành viên góp vốn công ty này nữa. Tr khai không biết việc Công ty Y giao dịch kinh tế với Công ty O và Công ty H, vì việc điều hành hoạt động kinh doanh Công ty Y là do ông Võ Hồng S điều hành. Tr và A chỉ làm thuê và đứng tên giùm. Năm 2018, Công ty Y giao dịch kinh tế bán cát san lấp mặt bằng dự án Vincity Quận 9 cho Công ty Z. Thời gian này Tr vừa làm thuê cho ông Võ Hồng S Ông S yêu cầu Tr đứng tên thành viên góp vốn Công ty Y và Tr đồng ý, làm các công việc lật vật cho ông S, mỗi tháng ông S trả cho Tr 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng; Bị cáo không có ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên và không tự bào chữa; Bị cáo nói lời sau cùng biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo đang có thai và nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thủ Đức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Võ Thúy A khai nhận trong quá trình hoạt động kinh doanh từ ngày 20/12/2017 đến 01/3/2019, Võ Thúy A là giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Y HCM có hành vi sử dụng hóa đơn, chứng từ bất hợp pháp để hoạch toán hàng hóa, nguyên liệu đầu vào trong hoạt động phát sinh nghĩa vụ thuế làm giảm số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và làm tăng số tiền thuế giá trị gia tăng được hoàn. Tổng số tiền trốn thuế là 4.176.840.519 đồng bao gồm số tiền trốn thuế giá trị gia tăng là 1.392.280.173 đồng và số tiền trốn thuế thu nhập doanh nghiệp là 2.784.560.346 đồng. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định tại khoản 4, 5 Điều 108 Luật Quản lý thuế năm 2006, xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình phạm tội với lỗi cố ý. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, vật chứng thu giữ, kết quả giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, phù hợp với sự thật khách quan của vụ án đủ cơ sở kết luận bị cáo đã phạm tội “Trốn thuế”.

[3] Như vậy quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đối với bị cáo Võ Thúy A về tội “Trốn thuế” theo khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là cố ý và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến chế độ quản lý thuế của Nhà nước, làm giảm thu ngân sách Nhà nước, xâm hại đến đường lối phát triển kinh tế xã hội, chính sách thuế; gây mất trật tự xã hội, vì vậy, có một mức án nghiêm khắc nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là phụ nữ có thai. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s, n khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, không cần bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù, xem xét cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo nói riêng và đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung.

[8] Về hình phạt bổ sung: Cần phạt bị cáo 50.000.000 đồng và cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 05 năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 35, Điều 41, khoản 4 Điều 200 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về các biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Võ Thúy A nộp lại số tiền 4.176.840.519 đồng vào ngân sách nhà nước bao gồm 1.392.280.173 đồng tiền thuế giá trị gia tăng và 2.784.560.346 đồng tiền thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Ghi nhận việc bị cáo Võ Thúy A đã nộp lại số tiền 500.000.000 đồng, còn phải nộp 3.676.840.519 đồng.

[10] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ 07 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Y; 06 tờ hóa đơn của Công ty Z.

[11] Về các vấn đề khác:

Đối với Lê Hữu Tr là thành viên góp vốn của Công ty Y, đến năm 2018 thì chuyển sang Võ Thúy A làm giám đốc, chủ công ty. Tr khai chỉ làm thuê, đứng tên giùm và không biết Công ty Y hoạt động kinh doanh như thế nào. Tr cũng không ký giấy tờ hay được chia lợi nhuận gì. Do đó, không có cơ sở xử lý hình sự đối với Lê Hữu Tr là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thị Hoa Ph là kế toán dịch vụ, được A thuê làm kế toán, báo cáo thuế tại nhà Phương và đi nộp hồ sơ thuế tại cơ quan thuế. Phương kê khai báo cáo thuế, hồ sơ sổ sách kế toán, báo cáo tài chính năm, làm việc trực tiếp với cơ quan thuế. Tất cả mọi giao dịch như ký hợp đồng, cung cấp số liệu và hóa đơn chứng từ mua vào, bán ra của Công ty Y đều do Võ Thúy A cung cấp thông tin, số liệu cho Phương rồi Phương thực hiện báo cáo với cơ quan thuế theo yêu cầu của A. Do đó, không có cơ sở xử lý hình sự đối với Nguyễn Thị Hoa Ph là có cơ sở.

Đối với hành vi của Trần Thị Bích Ng là công chức của Chi thuế Quận 9 (nay là Chi cục Thuế thành phố Thủ Đức) được phân công quản lý, kiểm tra, thu thuế Công ty Y. Kết quả điều tra xác định Lê Thị Bích Ng không thông đồng, bao che cho Công ty Y trong việc gian lận, trốn thuế. Quá trình thực hiện nhiệm vụ chị Ng đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ được giao và có báo cáo đến lãnh đạo chi cục thuế về việc nghi vấn Công ty Y mua bán, sử dụng hóa đơn bất hợp pháp. Do đó, không có cơ sở xử lý hình sự đối với Trần Thị Bích Ng là có cơ sở.

Đối với Võ Hồng S là giám đốc Công ty Y đã bị tai nạn giao thông chết ngày 23/11/2018 tại Đồng Tháp nên không xem xét xử lý là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Thị Khánh L, Phan Thanh H là giám đốc, đại diện theo pháp luật của Công Ty Z có ký hợp đồng vận chuyển, xuất hóa đơn đúng quy định với Công ty Y. Việc Công ty Y trốn thuế H, L không biết và liên quan. Do đó, không có cơ sở xử lý hình sự đối với Phan Thanh H, Nguyễn Thị Khánh L là có cơ sở.

Đối với 03 hóa đơn GTGT của Công ty O, Công ty H xuất cho Công ty Y với tổng số tiền là 6.778.769.104 đồng nhưng do không đủ điều kiện giám định (không thu được bản chính, không có hợp đồng...) nên không có cơ sở để xử lý đối với Võ Thúy A là có cơ sở.

[12] Về án phí: Bị cáo Võ Thúy A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Thúy A phạm tội “Trốn thuế”.

1. Áp dụng khoản 3 Điều 200; các điểm b, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thúy A 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (Năm) năm tính từ ngày tuyên án.

Giao Võ Thúy A cho Ủy ban nhân dân xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 200, Điều 35, Điều 41 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thúy A 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng và cấm bị cáo Võ Thúy A đảm nhiệm chức vụ quản lý kinh tế trong thời hạn 05 (Năm) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Võ Thúy A nộp lại số tiền trốn thuế là 4.176.840.519 (Bốn tỷ một trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười chín) đồng vào ngân sách nhà nước nhưng được trừ vào số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2022/0003462 ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức; Bị cáo Võ Thúy A còn phải nộp 3.676.840.519 (Ba tỷ sáu trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn năm trăm mười chín) đồng.

4. Áp dụng Điều 106 Bộ Luật Tố tụng Hình sự: Tiếp tục lưu hồ sơ 07 tờ hóa đơn GTGT của Công ty Y; 06 tờ hóa đơn của Công ty Z.

5. Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Võ Thúy A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự bị cáo có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người tham gia tố tụng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo)

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Trại giam và bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thái Bình



manabox

Where there is a will, there is a way